DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ ĐỀ NGHỊ HUỶ XOÁ NỢ TIỀN PHẠT CHẬM NỘP, TIỀN CHẬM NỘP

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Số Quyết định	Đề nghị hủy xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp	Tiểu mục							
					4927	4918	4917	4931	4943	4944	4934	4272
	Tổng cộng			114.038.499	936.885	1.936.197	28.285.981	48.766.411	25.215	28.083.405	5.481.505	522.900
1	DNTN Kim Kim Thảo	1200661873	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Tiền Giang	522.900								522.900
2	Trạm Kinh Doanh chế biến lương thực	0200108924-013	QĐ số 1644/QĐ-UBND-HC ngày 29/10/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	341.469				341.469				
3	Công ty TNHH Hóa sinh Nhật Mỹ	1402104226	QĐ số 756/QĐ-UBND-HC ngày 16/6/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	310.200						310.200		
4	Nguyễn Văn Hội	1201472565		3.049.004	0		1.849.242	1.199.762		0	0	
5	Cù Văn Cần	1201591523		61.560	0		20.520	41.040		0	0	
6	Nguyễn Thị Mậu	1200420155		1.450.885	0		846.299	604.586		0	0	
7	Đặng Thị Kim Oanh	1200406961		2.330.978	0		2.330.978	0		0	0	
8	Trần Hữu Tố	1201169738		2.708.420	0		299.573	1.818.547		590.300	0	
9	Lương Văn Danh	1200514614		603.017	0		357.975	213.216		31.826	0	
10	Phạm Thị Phượng	1201122835		295.150	0		-	0		295.150	0	
11	Võ Văn Út	1200652847		177.090	0		-	0		177.090	0	
12	Đỗ Thị Bê	1200403921		2.266.525	0		66.825	133.650		2.066.050	0	
13	Nguyễn Minh Hùng	1201144035		177.090	0		-	0		177.090	0	
14	Nguyễn Thị Thu Minh	1201500124		800.996	0		266.318	532.428		2.250	0	
15	Đặng Văn Lập	1200548324		177.090	0		-	0		177.090	0	
16	Võ Đại Đồng	1200603430		177.090	0		-	0		177.090	0	
17	Võ Thị Thu Nga	1200547105		155.899	0		9.829	140.820		5.250	0	
18	Trần Văn Trung	1200424819		295.150	0		-	0		295.150	0	
19	Đặng Thị Chín	1201233221		417.975	0		-	0		417.975	0	
20	Lê Thị Hồng Hoa	8194593329		163.590	0		-	0		163.590	0	
21	Nguyễn Trường Sơn	1201468921		179.932	0		26.448	52.864		100.620	0	
22	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	1200709236		153.990	0		-	0		153.990	0	
23	Quầy Thuốc Số 77	8003039401		20.070	0		-	0		20.070	0	
24	Ngô Thanh Quân	1200999172		51.330	0		-	0		51.330	0	
25	Trần Minh Tiến	1201539731		239.436	0		78.732	157.464		3.240	0	
26	Lê Thị Thương	1200235931		637.524	0		-	194.799		442.725	0	
27	Nguyễn Thị Tám	8223540204		294.821	0		97.874	196.947		0	0	
28	Võ Thị Linh Trang	1200709109		384.975	0		-	0		384.975	0	
29	Nguyễn Hiếu Hùng	1200195904		51.000	0		51.000	0		0	0	
30	Nguyễn Văn Hậu	1200499620		694.767	0		181.467	0		513.300	0	
31	Lê Thị Xuân Lan	1201314801		1.343.293	0		-	942.741		400.552	0	
32	Trần Công Luật	1200672113		92.088	0		-	92.088		0	0	

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Số Quyết định	Đề nghị hủy xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp	Tiểu mục							
					4927	4918	4917	4931	4943	4944	4934	4272
33	Nguyễn Hoàng Thu	1200547786	Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Tiền Giang	153.990	0		-	0		153.990	0	
34	Vật Liệu Xây Dựng Út Anh	8047965079		118.260	0		39.420	78.840		0	0	
35	Phan Phước Trị	8015041437		99.161	0		-	99.161		0	0	
36	Nguyễn Văn Khá	1201567104		15.876	0		4.536	11.340		0	0	
37	Nguyễn Kim Duyên	1201129414		442.725	0		-	0		442.725	0	
38	Trần Văn Chính	1200195735		6.404.947	0		2.062.751	2.844.631		1.497.565,000	0	
39	Nguyễn Văn Thay	1200430202		60.212	-		-	60.212		-	0	
40	Trần Thị Hồng Vân	1200589313		3.336.275	-		697.045	1.742.899		896.331	0	
41	Trần Thị The	1201002457		118.060	-		-	-		118.060	0	
42	Nguyễn Văn Vĩnh Hưng	8439489649		74.925	-		24.885	49.770		270	0	
43	Trần Thị Ngọc Phượng	1201514688		318.638	-		95.067	190.131		33.440	0	
44	Phạm Ngọc Bích	1201122779		201.465	-		59.805	119.610		22.050	0	
45	Bùi Thị Lệ Thủy	1200721120		161.415	-		38.295	76.590		46.530	0	
46	Bùi Thị Lệ Thủy	1200721120		59.030	-		-	-		59.030	0	
47	Trần Thị Cam	1200400448		550.751	-		-	196.571		354.180	0	
48	Nguyễn Chí Thuận	1201239223		3.206.433	-		740.349	2.458.209		7.875	0	
49	Nguyễn Thành Trung	1201054695		177.090	-		-	-		177.090	0	
50	Phạm Văn Tiến	1200687688		62.180	-		-	-		62.180	0	
51	Võ Quốc Đầy	1200653417		256.650	-		-	-		256.650	0	
52	Phạm Văn Danh	1200571517		482.522	-		90.444	96.928		295150	0	
53	Lê Thị Hết	1200689004		59.030	-		-	-		59030	0	
54	Nguyễn Văn Quyền	1200711059		153.990	-		-	-		153990	0	
55	Võ Thành Nhân	1201480894		988.215	936.885		-	-		51330	0	
56	Đoàn Thanh Phong	1200711073		153.990	-		-	-		153990	0	
57	Phạm Hoàng Nam	1200544009		354.180	-		-	-		354180	0	
58	Nguyễn Vĩnh Quang	1200778173		124.995	-		-	-		124995	0	
59	Lê Thị Mỹ Duyên	8241785694		66.229	-		6.565	13.134		46530	0	
60	Mai Công Nhàn	1200695336		59.030	-		-	-		59030	0	
61	NGUYỄN THỊ KIM THANH	1200511123		599.749	-		599.749	-		0	0	
62	Mai Văn Bon	1200687511		59.030	-		-	-		59030	0	
63	Lê Thanh Tuấn	8203256386		259.275	-		-	-		259275	0	
64	Trương Minh Thuận	1201008120		118.060	-		-	-		118060	0	
65	Nguyễn Văn Thung	1200200689		412.630	-		-	412.630		0	0	
66	VÕ HUỲNH HUYỀN KHA	1200694572		59.030	-		-	-		59030	0	
67	Nguyễn Văn Minh	1200944920		590.300	-		-	-		590300	0	
68	Đỗ Thành Công	1200211426		303.942	-		204.963	98.979		0	0	
69	Trần Thị Ngọc Quyền	1201273626		458.797	-		152.931	305.866		0	0	
70	Nguyễn Văn Giang	8145326264		242.230	-		79.707	159.373		3150	0	
71	Nguyễn Thanh Vân	1200694910		118.060	-		-	-		118060	0	

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Số Quyết định	Đề nghị hủy xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp	Tiểu mục							
					4927	4918	4917	4931	4943	4944	4934	4272
72	Hồ Văn Tuấn	1200697622		201.892	-		-	113.347		88545	0	
73	Trần Văn Thành	1200724266		153.990	-		-	-		153990	0	
74	Phạm Văn Thoang	1200823274		153.990	-		-	-		153990	0	
75	Trần Thị Ánh Tuyết	1201415172		249.552	-		83.184	166.368		0	0	
76	Huỳnh Công Thành	1200697654		59.030	-		-	-		59030	0	
77	Lê Thị Vân	1200698150		51.330	-		-	-		51330	0	
78	Nguyễn Thị Hoàng Mười Hai	1201484666		161.855	-		53.955	107.900		0	0	
79	Lê Văn Mỹ	1200510105		153.990	-		-	-		153990	0	
80	Nguyễn Văn Tường	1200442134		129.287	-		129.287	-		0	0	
81	Nguyễn Quốc Huy	1201104240		377.217	-		-	377.217		0	0	
82	Nguyễn Thị Kiều Quyên	8478564064		711.522	-		236.475	472.947		2100	0	
83	Nguyễn Văn Tới	1201030694		214.336	-		68.769	138.817		6750	0	
84	Nguyễn Thị Mỹ Liên	8087686064		27.570	-		6.191	12.379		9000	0	
85	Nguyễn Hải Trường	8100481982		47.996	-		11.439	22.877		13680	0	
86	Nguyễn Hữu Toàn	1201055441		121.313	-		39.593	79.170		2550	0	
87	Lê Minh Hiếu	1200208864		184.890	-		89.252	95.638		0	0	
88	Đặng Kim Hạnh	1200695696		236.120	-		-	-		236120	0	
89	Dương Thị Thuý An	1201182714		1.097.377	-		267.387	534.840		295150	0	
90	Nguyễn Thị Kim Yến	1200645399		1.333.953	-		1.333.953	-		0	0	
91	Trần Hữu Chí	8010268811		11.700	-		-	-		11700	0	
92	Trần Hữu Trí	1200625963		597.050	-		-	-		597050	0	
93	Nguyễn Quốc Nhân	1201573884		680.016	-		214.272	428.544		37200	0	
94	Lê Thị Hồng Thanh	1200685507		110.360	-		-	-		110360	0	
95	Viếp Thị Mến	1200212758		3.660.178	-		-	-		36261	3623917	
96	Nguyễn Thị Chúc	1200695897		177.090	-		-	-		177090	0	
97	ẨM THỰC ĐỒNG DIỄU 3	1201564713		1.168.830	-		389.610	779.220		0	0	
98	Đào Văn Cu	1201209814		59.030	-		-	-		59030	0	
99	Huỳnh Thị Nga	1201114993		401.404	-		-	401.404		0	0	
100	Trần Văn Tài	1200972614		306.956	-		-	306.956		0	0	
101	Nguyễn Minh Trung	1200741920		59.030	-		-	-		59030	0	
102	Nguyễn Văn Luyến	1200592179		59.030	-		-	-		59030	0	
103	Võ Thị Huỳnh	1200778208		59.030	-		-	-		59030	0	
104	Thanh Phong	1201116359		59.030	-		-	-		59030	0	
105	Lưu Văn Nhiệm	1201506775		259.275	-		-	-		259275	0	
106	Nguyễn Mai Lan	1200596617		177.090	-		-	-		177090	0	
107	Lê Văn Y	1200592210		59.030	-		-	-		59030	0	
108	Phan Văn Huyện	1200248458		561.031	-		-	561.031			0	
109	Huỳnh Văn Bé Hai	1201111350		118.060	-		-	-		118060	0	
110	Nguyễn Thị Hoa	1201153287	Quyết định số 1424/QĐ-	129.482	-		31.156	65.836		32490	0	

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Số Quyết định	Đề nghị hủy xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp	Tiểu mục							
					4927	4918	4917	4931	4943	4944	4934	4272
111	Lý Thị Lài	1200491519	UBND ngày 29/06/2023 của UBND tỉnh Tiền Giang	294.450	-		-	-		294450	0	
112	Đinh Việt Tỉnh	8361447859	Quyết định số 751/QĐ-UBND-HC ngày 16/06/2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp	86.295	-		-	-		86295	0	
113	Nguyễn Công Thanh	1401986367	Quyết định số 755/QĐ-UBND-HC ngày 16/06/2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp	285.093			92.540	185.053	7500			
114	Hồ Văn Minh	1400152249		442.725						442725		
115	Nguyễn Thị Thùy Dương	1401392941		256.650						256650		
116	Nguyễn Thị Nhung	1400146654		146.800			40.678	74.532	17715	13875		
117	Lê Tấn Cần	1400627012	Quyết định số 472/QĐ-UBND-HC ngày 09/05/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp	115.286		115.286						
118	Lưu Thị Cúc	0308748824		422.292						422292		
119	Trương Thị Tâm	1401108563		606.979			242.576	313.703		50700		
120	Tăng Minh Phương	1401050465		145.805				86.775		59030		
121	Nguyễn Thị Châu	1401201805	Quyết định số 472/QĐ-UBND-HC ngày 09/05/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp	767.390				177.090		590300		
122	Huỳnh Ngọc Thạnh	1400608813		124.073				117.771		6302		
123	Phạm Thị Tâm	1401248539		2.321.674			827.968	1.493.706				
124	Nguyễn Thành Tâm	1401025469		106.254				106.254				
125	Trần Hòa Bình	0308396474		37.566			20.855	16.711				
126	Nguyễn Văn Lùng	1401383739		22.723						22723		
127	Nguyễn Văn Thành	1400407472		633.030			114.660	229.320		289050		
128	Phan Thị Sơn	1400617053		25.107						25107		
129	Nguyễn Tô Ngọc Diễm	1401006949		500.294				57.569		442725		
130	Phạm Thị Đào	1400569755		147.575						147575		
131	Nguyễn Văn Khỏe	1400557478		3.204			242	626		2336		
132	Nguyễn Thị Hồng Nga	1400584305		186.829				186.829				
133	Phan Thị Đẹp	1400622014		59.030						59030		
134	Quan Thị Thanh Vân	1401407443		17.165			5.529	11.636				
135	Quách Xuân Mai	1402048589		63.314			41.312	22.002				
136	Lê Công Ty	1400673474		103.925			103.554			371		
137	Bùi Văn Suông	1400963416		555.735			687			555048		
138	Lê Văn Cường	8235503172		1.119.510			318.696	637.254		163560		
139	Lê Thanh Dũng	1401260208		563.656						563656		
140	Trần Thị Bích Thảo	1401282089		999.148			687			998461		
141	Huỳnh Thuý Phượng	1401513642		9.678			1.830	3.666		4182		
142	Nguyễn Văn Tý	1402022012		359.617			119.872	239.745				
143	Lê Ánh Nguyệt	8444378863		5.757.029			1.880.877	3.761.616		114536		
144	Trương Cẩm Tâm	1401912735		476.778			1.029			475749		
145	Trần Đình Phúc	1701248219		8.948.273			2.982.686	5.965.587				
146	Lê Thị Thanh Thuỷ	1400127122		450						450		

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Số Quyết định	Đề nghị hủy xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp	Tiểu mục							
					4927	4918	4917	4931	4943	4944	4934	4272
147	Nguyễn Hữu Vị	1400771979		11.771			3.624	7.247		900		
148	Dương Kim Cúc	1400574508		59.030						59030		
149	Lâm Phước Lộc	1401751125		1.263.312				673.012		590300		
150	Lê Quan Trí	1401292249		3.552.096			10.296	3.541.800				
151	Nguyễn Thị Kim Cương	1401163902		59.030						59030		
152	Tô Thị Bé Sáu	1401649019		39.299						39299		
153	Nguyễn Thị Ngọc Bích	1401936415		4.857.809			4.857.809					
154	Nguyễn Thị Mai Thu	1400241869		442.725						442725		
155	Trần Văn Huy	8019251604		373.464			109.923	219.831		43710		
156	Võ Thị Cẩm Tú	8062764377		139.875						139875		
157	Văn Quốc Hiệp	1401274585		1.197.152						700	1196452	
158	Nguyễn Thị Kim Thắm	1401274338		838.226						177090	661136	
159	Từ Hồng Nhựt	1401084369		975.196				975.196				
160	Phan Văn Đức	1400635239		221.381		135.127		86.254				
161	Lương Thị Cẩm Huyền	1400580283		118.060						118060		
162	Nguyễn Tuấn Sĩ	1400625569		590.300						590300		
163	Phan Hoàng Vũ	1400634362	Quyết định số 754/QĐ-UBND-HC ngày 16/06/2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp	2.589.120		1.685.784		903.336				
164	Quách Khổng Sơn	1400330290		6.764			2.360	4.404				
165	Lê Hồng Dung	1401195069		290.022			21.172	256.170		12680		
166	Trần Văn Thống	1400355538		3.928.991			1.665.391	2.263.600				
167	Nguyễn Thị Cảnh	1400387561		117.110						117110		
168	Huỳnh Thanh Tùng	1400176539		159.412				159.412				
169	Phạm thị Tuyết	1400198028		2.042.500				2.042.500				
170	Nguyễn Xuân Điệp	1400469528		590.300						590300		
171	Trần Thu Phượng	8311075965		94.118			26.003	52.005		16110		
172	Đỗ Nghĩa Hiệp	1400325237		590.300						590300		
173	Lê Ngọc Hoa	1400611622		147.575						147575		
174	Lê Minh Tâm	1401975005		169.390						169390		
175	Lê Văn Dũng	1400320581		110.360						110360		
176	Hoàng Cảnh Minh	1400651495		1.041.351				598.626		442725		
177	Nguyễn Thanh Thảo	1400910005		4.150.672			459.010	2.953.787		737875		
178	Huỳnh Việt Hưng	1400372212		29.515						29515		
179	Nguyễn Công Tất	1401290812		44.288						44288		

Người lập biểu

Phạm Thị Thùy Trang

Phó Trưởng Phòng QLDN1

Trần Thị Thanh Tuyền

KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
THUẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
CỤC THUẾ

Đoàn Hữu Hiếu